

THÔNG TIN



TRAO ĐỔI

MỘT SỐ SINH HOẠT TÍN NGƯỠNG CỦA CÁC DÂN TỘC THIỂU SỐ Ở PHÍA BẮC VIỆT NAM¹

TS. Trịnh Thị Lan
Viện Dân tộc học

Tóm tắt: Tín ngưỡng là một thành tố cốt lõi cấu thành văn hóa tinh thần và phản ánh đời sống tâm linh của cộng đồng. Bài viết này đề cập đến một số sinh hoạt tín ngưỡng truyền thống của các dân tộc thiểu số ở phía Bắc Việt Nam. Qua đây cho thấy, tín ngưỡng của các dân tộc thiểu số nơi đây vẫn in đậm dấu ấn của hồn linh giáo, shaman giáo, đa thần giáo, tổ tem giáo... thể hiện qua hàng loạt các sinh hoạt tín ngưỡng liên quan đến hoạt động kinh tế và các mối quan hệ xã hội khác nhau. Đặc biệt, tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên, các nghi lễ liên quan đến nông nghiệp đã tạo nên bản sắc văn hóa của đồng bào các dân tộc thiểu số.

Từ khóa: Sinh hoạt tín ngưỡng, các dân tộc thiểu số, phía bắc Việt Nam.

Ngày nhận bài: 25/9/2018; ngày gửi phản biện: 25/10/2018; ngày duyệt đăng: 4/12/2018

Đặt vấn đề

Tín ngưỡng là một thành tố cốt lõi cấu thành văn hóa tinh thần và phản ánh đời sống tâm linh của cộng đồng; có một vị trí quan trọng trong đời sống tộc người, phản ánh thế giới quan và nhân sinh quan qua các quan niệm và thực hành những dạng thức nghi lễ của cá nhân, gia đình và cộng đồng. Thực hành các sinh hoạt tín ngưỡng không chỉ góp phần thỏa mãn nhu cầu tâm linh của người dân, tạo tâm lý và niềm tin lành cho cá nhân, gia đình và cộng đồng, mà còn giúp tăng cường mối quan hệ đoàn kết, gắn bó giữa các thành viên trong cộng đồng và gia đình. Do tín ngưỡng là phương tiện biểu hiện đặc trưng văn hóa tộc người, nên thực hành các sinh hoạt tín ngưỡng có đóng góp cho việc gìn giữ và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống tộc người.

1. Hồn linh giáo

Hồn linh giáo còn gọi là vật linh giáo hay vạn vật hữu linh được hiểu là “niềm tin cho rằng, trong mọi súc vật, cây cối hoặc vật vô tri đều trú ngụ một linh hồn có khả năng điều chỉnh sự tồn tại của nó và ảnh hưởng tới đời sống con người. Vật thể và hiện tượng tự nhiên được coi là chứa đựng cuộc sống, nhận thức và linh hồn” (Hội Khoa học Lịch sử Việt Nam, 2006, tr. 464). Đến nay, yếu tố hồn linh giáo đó vẫn còn đậm nét trong tâm thức của các tộc người thiểu số ở nước ta. Tuy nhiên, quan niệm về hồn người hay hồn linh giáo của mỗi dân tộc cũng có những nét riêng.

¹ Bài viết này là kết quả nghiên cứu đề tài cấp cơ sở 2018: “Một số vấn đề về tôn giáo, tín ngưỡng ở Việt Nam hiện nay” do TS. Trịnh Thị Lan và TS. Trần Thị Hồng Yến làm Đồng chủ nhiệm.

Theo quan niệm của người Hà Nhì, khi đứa trẻ sinh ra đã có linh hồn (*xula*) và tồn tại trong suốt quá trình trẻ trưởng thành và già đi với vai trò đảm bảo cho người đó được mạnh khỏe. Mỗi người có nhiều hồn và cư ngụ ở khắp cơ thể; trong đó những hồn quan trọng tập trung ở đầu, gáy và nách vì đây là những nơi tập trung trí óc, trí lực của con người. Về số lượng, theo một số người thì mỗi cá nhân có 12 hồn trong khi số khác lại cho rằng mỗi người có 2 hồn. Với người sống, sức khỏe phụ thuộc vào trạng thái của linh hồn: khi hồn khỏe thì con người mạnh khỏe và ngược lại. Theo người Hà Nhì, do linh hồn rất nhẹ nên dễ bị thoát ra khỏi cơ thể sống để đi lang thang hay về trời. Trong các trường hợp con người không may gặp rủi ro, bị tổn thương, giật mình lo sợ... thì hồn thường thoát ra khỏi cơ thể hoặc bị suy yếu làm cho người đó ốm đau, bệnh tật. Đặc biệt, khi con người đi xa và đến chỗ lạ, hồn rất dễ thoát ra khỏi cơ thể, nhất là hồn những đứa trẻ nhỏ hiếu động. Với những trường hợp này, con người sẽ ốm nặng rồi chết. Vì thế, ngày nay người Hà Nhì vẫn duy trì tập quán xem bói và làm lễ gọi hồn cho những người ốm yếu bằng cách cúng những ma làm hại để chuộc linh hồn của người ốm và cầu xin sức khỏe bình phục trở lại.

Người Dao cho rằng, mỗi con người có 12 linh hồn nằm ở các vị trí dọc theo cơ thể: đầu, mắt, mũi, tai, miệng, cổ, ngực bụng, tay, chân, lưng, hậu môn. Trong số đó, có một hồn chính quyết định sự sống của con người. Tuy nhiên, mỗi nhóm Dao lại có một quan niệm khác nhau về vị trí của hồn chính. Theo nhóm Dao Tiền, hồn chính nằm ở ngực vì khi tim ngừng đập thì con người sẽ chết; nhóm Dao Quần Trắng lại cho, hồn chính ở mắt vì khi con người chết thì sẽ không còn nhìn thấy gì nữa; trong khi đó nhóm Dao Đỏ lại tin, hồn chính trú ngụ trên đầu, nằm ngay vị trí cao nhất của cơ thể, vì vậy họ rất kỵ người lạ xoa lên đầu vì sợ sẽ đụng chạm đến linh hồn chính, gây nguy hiểm cho đứa trẻ.

Cũng như nhiều dân tộc, người Kháng quan niệm mỗi con người đều có các linh hồn (*man*) ở bên trong cơ thể; hồn có nhiều loại và không có màu sắc, không hình thù... nên người thường không nhìn thấy, chỉ có thầy cúng mới có thể phân biệt được các loại linh hồn đó. Hồn là do *Me pâu* (gọi là hồn cả hay mẹ của hồn) sống ở tầng trên trời sinh ra, vì vậy sau khi chết một phần hồn của con người sẽ quay trở về với *Me pâu*. Trong số những hồn trên, có 5 hồn chính là hồn trên đầu và 4 hồn còn lại ngụ ở hai tay và hai chân. Hồn trên đầu có vai trò quan trọng nhất trong cơ thể. Khi còn sống, hồn trên đầu có nhiệm vụ đảm bảo sức khỏe mỗi con người, nên người Kháng có tập quán kiêng kỵ xoa hay đập lên đầu vì sợ hồn sẽ bỏ đi, làm cho con người bị đau ốm và chết. Vì vậy, mỗi khi ốm đau đồng bào thường làm lễ cúng gọi hồn về. Khi con người chết đi, hồn ở đầu sẽ ở lại gia đình, biến thành ma nhà ngụ tại nơi thờ cúng tổ tiên (*mà ngất nha*) để phù hộ cho con cháu gặp được nhiều may mắn (Phạm Quang Hoan, Đặng Thị Hoa chủ biên, 2011, tr. 213-223).

Người Hmông luôn tin vào sự tồn tại của linh hồn hay hồn (*pli*) trong cơ thể con người cũng như một số con vật hay loài cây khác. Có một số cho rằng mỗi người chỉ có một linh hồn, nhưng không ít người cho rằng mỗi con người có 3 linh hồn trú ngụ ở đỉnh đầu và hai tay. Họ luôn tin sự phụ thuộc của cơ thể vào các linh hồn. Con người cũng như một số động thực vật sẽ khỏe mạnh nếu linh hồn tồn tại trong cơ thể, ngược lại sẽ ốm đau bệnh tật nếu linh hồn tạm thời rời khỏi cơ thể và sẽ chết, nếu linh hồn rời xa cơ thể một cách vĩnh viễn.

2. Shaman giáo

Shaman giáo là một trong những hình thức lên đồng gắn với thuật phù thủy, xuất hiện vào thời kỳ tan rã các thị tộc và có sự kết hợp với vật linh giáo. Hiểu theo nghĩa rộng, shaman giáo có thể là một tôn giáo thực dụng cổ xưa, tuy không phải một tôn giáo theo nghĩa tổ chức hay thể chế nhưng là tôn giáo theo nghĩa niềm tin và thực hành. Theo nghĩa hẹp, shaman giáo là những nghi lễ hoàn toàn riêng lẻ và chỉ do một người thực hiện nhằm đạt được một mục đích nào đó như cầu sức khỏe và may mắn. Nói cách khác, shaman giáo là “hình thức giao tiếp giữa người với thần linh và ma quỷ thông qua một nhân vật trung gian là thầy cúng, thầy mo, thầy phù thủy hay người lên đồng. Họ là những con người thật được thần linh, ma quỷ hay một thế lực siêu nhiên nào đó “nhập vào” để “phán bảo” trực tiếp, hoặc hồn của họ thoát khỏi thể xác để đi tìm gặp thần linh, ma quỷ hay thế lực siêu nhiên liên quan để “xin ý kiến”, sau đó “truyền đạt” lại cho người khác là các con nhang đệ tử, người hầu đồng hay người chịu lễ. Nghi lễ shaman luôn đi kèm với những trang phục (và cách bài trí đa màu sắc, nhất là các màu rực rỡ), những hành động diễn xướng và mùi hương để tạo ra cảm giác đặc biệt cho những người tham dự (Nguyễn Văn Minh, 2013. tr. 109-110).

Đến nay, phần lớn các dân tộc thiểu số ở nước ta đều tồn tại tàn dư của shaman giáo, nhưng có mức độ đậm nhạt khác nhau. Điển hình là một số nghi lễ như: *Then* của người Tày, *Ua nênhx* của người Hmông; *Mo* của người Mường và người Thái,...

Then của người Tày: Trong nghi lễ Then có cả nhập hồn và xuất hồn. Mở đầu, ông/bà Then làm tiết mục mở đường hoặc chuộc bình để nhập Then, rồi ông/bà Then định thần trong tiếng đàn hát, tay xóc nhạc. Bỗng ông/bà rùng mình, đó là lúc hồn người thoát ra khỏi thể xác và hồn ma Then nhập vào. Hiện tượng xuất thần - nhập hóa được thực hiện. Trong quá trình lễ, tình trạng tâm thần của ông/bà Then vẫn như vậy, chỉ khác ở các nhân vật siêu linh thay đổi vai. Thường là Ngọc hoàng mở đầu: ngài khai quang cho Then, cấp bổng lộc, rồi xóc nhạc ngựa (coi như lên đường) và thăng. Tiếp theo, các *Tướng Hiến* (*Tướng Hoà thượng*), *Tướng Hộ*, *Thánh Cá*,... *Tướng Hiến* chủ sự về trừ ma, chữa bệnh, thường nhập đồng dưới dạng dăm lên đồng lửa đang cháy; *tướng Hộ* nhập vai con hổ, cào cào, gào thét; *thánh Cá* nhập đồng dưới dạng trẻ con,... Quá trình nghi lễ, ông/bà Then có nhiệm vụ dẫn âm binh đi đến các cửa Tổ tiên, Thành hoàng, Thổ thần, tổ nghề Then, các Thiên tướng và Ngọc hoàng. Những lúc này, tình trạng thái xuất thần - nhập hóa, xuất hồn người, nhập hồn ma Then, ông/bà Then tiếp xúc, giao thiệp với các vị thần linh.

Cơ chế xuất thần - nhập hóa có vị trí hàng đầu, chi phối thực hành lễ Then của người Tày, đúng như Ngô Đức Thịnh đã tổng kết: “*Nghi lễ Then là một hình thức shaman giáo thể hiện qua việc nhập hồn và xuất hồn, trong đó nhập hồn các thần linh vào thân xác của các bà Then, ông Then là chủ yếu, để cầu an, giải hạn, chữa bệnh, bói toán và để cấp sắc, nâng sắc cho bản thân các bà Then, ông then nữa*” (Ngô Đức Thịnh, 2004, tr. 441-449).

Ua nênhx của người Hmông: Thầy shaman người Hmông gọi là *trí nênh* (ông thầy cúng), việc thực hành nghi lễ shaman gọi là *Ua nênh* (làm cúng/cúng). Khi cúng, phần lớn là chữa bệnh, *trí nênh* chủ yếu xuất hồn đi khắp các nơi ở thế giới âm để tìm hồn ma ác đã làm hại người ốm. Những nơi mà ông thường đến là: nhà người ốm, xuống thế giới dưới nước, đường về nơi ở của tổ tiên, hang quý ẩn thịt người,... Một thầy shaman để có thể nhìn thấy thế giới bên kia, phải lập bàn thờ có sự trợ giúp của

âm binh, có các trang thiết bị đặc biệt như thanh la, nhạc ngựa, tất cả rung lên tạo thành những âm thanh náo động, dồn dập. Khi thầy shaman trùm khăn che mặt, lắc lư đầu, tìm cảm giác “*vàng vắt*” để “*xuất hồn*”, vì xuất hồn là lúc thầy đi vào thế giới ma. Đôi khi thầy còn tạo ra những âm thanh như thúc giục ngựa, đó là khi thầy cưỡi đi vào thế giới bên kia. Chỉ có ông mới có khả năng giao tiếp với thế giới bên kia. Thầy shaman người Hmông khi làm việc âm đã huy động hai khả năng đặc biệt là: xuất thần - nhập hóa và liên thông với các nhân vật siêu linh. Thầy cúng (*trir nênhx*) ở người Hmông còn bảo lưu nhiều yếu tố shaman giáo. Thầy làm phép nhập đồng có thể “*đi*” lên trời hoặc “*sang*” thế giới bên kia, mặc cả với ma; rồi đưa lễ vật cho ma để đổi lấy hồn, đôi khi dọa nạt, trừng trị ma để thu hồn về cho người ốm.

3. Đa thần giáo

Đa thần giáo được coi là hình thức phát triển muộn so với hồn linh giáo, tô tem giáo. Theo Từ điển Nhân học, “Thuyết đa thần là một hình thức thờ cúng hay một sự công nhận nhiều thần hoặc thánh trong một vũ trụ tôn giáo. Thế kỷ thứ XIX đã chứng kiến sự trỗi dậy của hai ý tưởng cách mạng quan trọng nằm sau các định nghĩa về thuyết đa thần. Thứ nhất, những người tiền sử cuối cùng đã phân biệt giữa cơ thể vật chất với linh hồn và thần thánh nên đã nuôi dưỡng niềm tin đa thần. Không chỉ con người mà ngay cả động vật, cây cối và các vật thể do con người vẽ lên có thể hàm chứa linh hồn. Thứ hai, thờ cúng linh hồn của tổ tiên được coi là nguồn gốc của tôn giáo với niềm tin mạnh hơn là các ma tổ tiên đôi khi thể hiện trong những tô tem” (dẫn theo Nguyễn Văn Minh, 2013, tr. 137-138).

Trong đa thần giáo, mỗi vị thần tiêu biểu cho một sức mạnh, một hiện tượng nhất định của thiên nhiên, xã hội hay tâm lý con người, đồng thời tiêu biểu cho một trật tự cao hơn trong các bộ lạc, nguyên thủy. Các vị thần đó được nhân cách hóa, có tên gọi, tiểu sử, tính cách như những người có quyền thống trị trên trần gian và tùy theo từng vai trò, vị trí của mình, mỗi vị thần được gán thêm những sức mạnh, uy lực thần bí. Hình ảnh đời sống của các vị thần cũng giống như đời sống của con người. Điều khác biệt chính là sự bất tử và sức mạnh siêu nhiên của các vị thần (Nguyễn Văn Minh, 2013, tr. 139).

Tất cả các dân tộc ở Việt nam đều có chung niềm tin và thực hành tín ngưỡng đa thần. Đặc biệt, trong hệ thống thần linh của các dân tộc thiểu số, tín ngưỡng đa thần rất phong phú, từ nhiên thần (sông, núi, sấm chớp...), động vật, cây cối, đất đá...; thiên thần (trời, đất, Ngọc Hoàng, Diêm Vương...); nhân thần (các anh hùng, người có công) đến các loại ma (ma tổ tiên, ma nhà, ma buồng, ma bếp, ma bản, ma rừng, ma núi, ma lúa gạo...). Mỗi vị thần đều có một vị trí nhất định trong đời sống tâm linh của mỗi tộc, người.

Người Hmông theo tín ngưỡng truyền thống thờ cúng rất nhiều vị thần (ma) khác nhau. Trong nhà thường có ma nhà, ma cửa, ma bếp, ma buồng, ma cột cái, .. Nếu gia đình nào có người làm thầy cúng hoặc thầy thuốc, gia đình đó còn thờ cúng thêm ma thầy thuốc, ma thầy cúng. Ngoài ra, còn có ma rừng, ma bản (ma thổ địa), ma cây, ma núi, ma đá,... Người Hmông cúng ma trong nhà theo định kỳ vào các ngày nhất định trong năm như các dịp lễ tết hay khi gia đình có sự kiện quan trọng. Các ma bên ngoài chỉ cúng vào những dịp bất thường với các nghi lễ shaman liên quan đến gọi hồn, tai nạn, bệnh tật, giải hạn,... Đây là các loại ma tự nhiên hoặc ma bố mẹ về đời cúng bô... làm ảnh hưởng đến sức khỏe, tính mạng con người, nên chỉ những thầy cúng mới có thể nhận biết và làm lễ cúng được.

Với người Hà Nhì, ngoài thờ cúng tổ tiên, họ còn có một hệ thống các vị thần được thờ phụng như: thần rừng, thần thổ ty, thần lúa, thần nước,... Nhưng quan trọng nhất và được cả làng thờ cúng là thần rừng ở khu rừng thiêng ngay đầu bản. Đây là khu rừng cấm với những quy định nghiêm ngặt như không cho người lạ và phụ nữ vào, không được chặt cây, chăn thả hay làm ô uế đến chốn linh thiêng. Ai vi phạm sẽ bị thần linh quở trách và dân làng phạt theo quy ước chung của bản. Mỗi năm theo định kỳ cả bản sẽ tự nguyện đóng góp, mua sắm lễ vật để tổ chức lễ cúng chung cho cả bản với mong muốn dân bản được khỏe mạnh, mùa màng bội thu, chăn nuôi phát triển,...

Một điển hình cho tín ngưỡng đa thần là dân tộc Mường. Ngoài việc thờ cúng các con vật như chó, rùa, cóc... và thờ các loại cây như cây chu đồng, cây si, cây lúa... hay các hòn đá, thờ thần thổ công, người Mường còn thờ các nhân thần như: ông không lồ tên *Tùng* là người có công diệt ác cứu dân; Thánh Tản Viên có công trị thủy; ông *Ái Lý*, *Ái Lo* là người Thái nhưng đã có công giúp người Mường làm nương, làm ruộng.

Người Dao là tộc người có hệ thống thờ thần khá hoàn chỉnh, từ Ngọc Hoàng - vị thần cai quản các vị thần linh cùng ma quỷ và các sinh vật trên trần gian, Phật, Tam Thanh, Tam Bảo, Tam nguyên, Bản Vương, tổ tiên đến các loại ma: ma nhà, ma bếp, ma rừng,...

4. Tô tem giáo

Tô tem giáo hay tín ngưỡng vật tổ là tập hợp phức tạp những ý tưởng của một xã hội nguyên thủy nào đó về những mối quan hệ giữa con người và động vật hay thực vật quanh họ. Các đối tượng tự nhiên hay con người mà nhiều xã hội bộ lạc tin rằng họ có một mối quan hệ thân tộc hoặc thần bí với chúng được gọi là vật tổ (*Totem*). Thành viên của một nhóm có cùng một vật tổ bị cấm lấy người cùng nhóm, không được giết hoặc ăn vật tổ (Hội Khoa học Lịch sử Việt Nam, 2006, tr. 481). Vì đã tự xác lập mối quan hệ "*họ hàng*" nên người ta không sát hại, hủy hoại hoặc ăn thịt các loại cây, loài thú là vật tổ. Điều này thể hiện rất rõ ở không ít tộc người thiểu số. Hiện nay, một số dòng họ người Kháng vẫn duy trì những kiêng kỵ liên quan đến vật tổ của mình. Chẳng hạn, họ Cà kiêng ăn và bắt thịt con chim *Thuốc cá* - một loại chim trong rừng, có tiếng kêu khô khè vì họ cho rằng con chim đó cùng họ với tổ tiên của mình. Họ Quảng kiêng ăn thịt hổ vì hổ là họ hàng của mình, đồng thời kiêng ăn thịt mèo vì mèo và hổ có một loài. Họ Moong không ăn thịt dúi; họ Yoong không ăn thịt chim Yểng; họ Cút không được ăn rau rừng có tên gọi là *p'ac ut*,... Nếu dòng họ nào không thực hiện những điều cấm kỵ trên, bắt và ăn thịt con vật hay các loại cây đó thì rặng sẽ bị rụng hết (Phạm Quang Hoan, Đặng Thị Hoa Chủ biên, 2011, tr. 211-212).

Người Dao coi con long khuyến ngũ sắc là tổ tiên của mình. Trong *Quá sơn bản văn (Bình hoàng khoán điệp)* có ghi: Bàn Hồ là con long khuyến được Bình Vương gả con gái và phong là Bản Vương sau khi có công lớn giết được Cao Vương. Vì vậy, Bàn Hồ - Bản Vương là thủy tổ, vị thánh lớn nhất được hầu hết các nhóm Dao thờ cúng. Người Dao coi việc thờ cúng Bản Vương là một việc làm liên quan đến số mệnh của mỗi người, mỗi dòng họ và của cả dân tộc. Bản Vương được đồng bào Dao coi là thủy tổ của các dòng họ nên cũng được coi là ma nhà và cũng được cúng bái chung với tổ tiên của từng họ, từng gia đình. Đến nay, người Dao vẫn duy trì tục kiêng ăn thịt chó và dành cho nó sự tôn kính (Bế Viết Đăng và cộng sự, 1971, tr. 272).

Một số dòng họ của người Phù Lá như họ “Nhờ hà” (họ con trâu), họ “À sí” (họ con chó)... cho đến nay vẫn duy trì thờ cúng vật tổ là con trâu, con chó. Vì theo truyền thuyết, tổ tiên của hai họ này bị mồ côi mẹ từ lúc lọt lòng phải bú sữa trâu và sữa chó mới sống được nên con cháu phải thờ cúng và không bao giờ được cúng tổ tiên bằng thịt trâu và thịt chó (Đỗ Đức Lợi chủ biên, 2005, tr. 146-150).

Nhiều dòng họ người Mường ở Tân Lạc, Hòa Bình kiêng ăn thịt rùa, vì Rùa đã chỉ bảo cho người Mường nơi đây cách làm nhà, họ cũng kiêng đốt cây *Pi* vì chính loại cây này đã cứu cụ tổ của người Mường thoát khỏi nạn hồng thủy xưa kia. Họ Quách ở Tân Lạc kiêng ăn thịt chó, họ Đinh không ăn thịt khỉ. Ở Phú Thọ có một số dòng họ như: họ Hà kiêng ăn chim cuốc, họ Đinh không ăn thịt rắn, họ Hoàng không ăn thịt hổ,... Mỗi sự kiêng kỵ đều gắn liền với những truyền thuyết nhất định của mỗi vùng.

5. Thờ cúng tổ tiên

Tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên là hình thức phát triển cao hơn của tín ngưỡng vật tổ, bởi lẽ thay vì nhìn nhận quan hệ tổ tông giữa con người với con vật và thực vật quanh họ, người ta đã chọn ngay chính tổ tiên trong quan hệ huyết thống với mình. Thờ cúng tổ tiên là tín ngưỡng điển hình của phần lớn các dân tộc thiểu số ở nước ta. Theo quan niệm của nhiều dân tộc, tổ tiên bao gồm tất cả những người đã chết thuộc các thế hệ mà chủ yếu thuộc thế hệ bố mẹ, ông bà trở về trước. Họ cho rằng, khi con người ta chết đi không có nghĩa là hết, mà đến sống tại một thế giới khác không thuộc về con người. Đồng bào luôn tin vào sự chi phối của những người đã chết đối với những người đang sống. Người ta tin rằng, linh hồn tổ tiên có quyền năng và ảnh hưởng tới sự thịnh vượng, may mắn của con cháu. Nếu con cháu thực hành tế lễ chu đáo thì tổ tiên sẽ phù hộ, ngược lại nếu con cháu lơ là sẽ bị tổ tiên trách phạt. Tuy nhiên, không phải tất cả các dân tộc đều có chung một khái niệm tổ tiên trong một không gian và thời gian nhất định.

Người Hà Nhì ở huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai không có quan niệm cụ thể về việc thờ cúng tổ tiên là bao nhiêu đời mà chỉ có ý niệm tôn thờ cơ bản là: bố mẹ, ông bà và những thế hệ bậc trên trong gia đình đã chết. Theo đó, sau khi con người chết đi, linh hồn của họ hàng năm vẫn trở về để bảo vệ, phù hộ cho con cháu trong gia đình, nên trong những lễ tết con cháu thường dâng lễ vật cho linh hồn của những người đã khuất với mong muốn được che chở, bảo vệ. Điều này thể hiện rõ trong việc đắp mộ cho người chết, bao giờ phía đầu mộ cũng được người nhà kẻ một số viên đá tạo thành một cửa nhỏ. Đây chính là nơi để linh hồn của người chết có thể rời mộ trở về bàn thờ tổ tiên vào các dịp gia đình cúng lễ.

Người Dao thường thờ cúng tổ tiên đến đời thứ chín. Điều này được thể hiện trong các nghi lễ lớn như: lễ cấp sắc, tào mộ hoặc các dịp lễ lớn của gia đình. Trong những dịp này, người Dao thường cúng khấn ông bà tổ tiên từ chín đời trở lại, còn trong thờ cúng hàng ngày thì chỉ cầu khấn đến ông tổ ba đời, đôi khi chỉ cầu khấn đến đời ông bà, cha mẹ. Ở nhiều vùng người Dao còn thờ cúng tổ tiên chung của dòng họ với bàn thờ chung (gọi là “hồng lâu”) được đặt ở nhà trưởng họ. Những bàn thờ cúng tổ tiên của các gia đình thường chỉ thờ đến đời ông bà, cha mẹ. Một số nhóm như Dao Thanh Y, Dao Áo Dài, Dao Quần Trắng hiện nay không còn bàn thờ chung, mà được chia ra thờ tổ tiên riêng ở mỗi gia đình. Tổ tiên thuộc ma lành luôn phù hộ cho con cháu, tuy nhiên nếu không thờ cúng cẩn thận

thì tổ tiên cúng có thể bất tội, phạt làm cho con cháu ốm đau, bệnh tật. Bàn thờ tổ tiên luôn được coi là nơi tôn nghiêm nhất trong nhà, thường được đặt ở vị trí chính giữa ngôi nhà. Phụ nữ, đặc biệt là con dâu, không được quay lưng về phía bàn thờ.

Người Kháng chỉ thờ cúng tổ tiên trong phạm vi ba đời. Trong nhà của họ bao giờ cũng có một gian dành riêng để thờ cúng tổ tiên. Bàn thờ được đặt trên một tấm gỗ treo trên vách gian thờ. Đối với những gia đình có người làm nghề thầy cúng, ngoài bàn thờ tổ tiên, trong gian thờ còn có thêm bàn thờ đặt trên cao để thờ ma thầy cúng. Hiện nay, trong một số gia đình người Kháng còn thấy đặt bàn thờ Bác Hồ ở phía đối diện hoặc ngay trên tấm vách phía trước gian thờ. Đây là một điểm mới trong tín ngưỡng thờ cúng truyền thống của dân tộc Kháng (Phạm Quang Hoan, Đặng Thị Hoa chủ biên, 2011, tr. 225-229).

Theo người Hmông, tổ tiên gồm tất cả những người chết thuộc các thế hệ cha ông trở về trước và luôn phù hộ cho con cháu làm ăn thuận lợi. Song, đồng bào thường thờ cúng tổ tiên đến ba đời và đặt bàn thờ trên vách tường gian giữa nhà. Trên bàn thờ chỉ có mảnh giấy bản, ba ống hương hoặc ba bát hương. Nơi đặt bàn thờ là nơi thiêng nên chỉ đàn ông mới được tới gần và thông thường chỉ chủ nhà (*tsur trêr*) mới là người thực hiện nghi lễ cúng tổ tiên. Người Hmông cúng tổ tiên để tỏ lòng biết ơn đối với những người đã khuất, cầu mong phù hộ cho sức khỏe và công việc làm ăn của gia đình. Tổ tiên có thể phù hộ cho mọi người nhưng cũng có thể nổi giận phạt con cháu ốm đau nếu không thờ cúng chu đáo. Người Hmông cúng tổ tiên vào nhiều dịp khác nhau nhưng quan trọng nhất là trong lễ mừng năm mới, cưới xin, tang ma, ăn cơm mới, đặt tên,...

6. Tín ngưỡng liên quan đến nông nghiệp

Các dân tộc thiểu số ở nước ta chủ yếu làm nông nghiệp, nền kinh tế dựa trên canh tác nương rẫy, trồng lúa nước và chăn nuôi. Họ cho rằng, các lực lượng siêu nhiên có ảnh hưởng đến năng suất cây trồng, vật nuôi của gia đình. Vì thế, các nghi lễ liên quan đến nông nghiệp có vị trí rất quan trọng trong sinh hoạt tín ngưỡng của các dân tộc này.

6.1. Lễ cầu mưa

Đây là tín ngưỡng nông nghiệp quan trọng ở các dân tộc thiểu số. Mỗi dân tộc gọi với một cái tên và tổ chức vào những thời điểm khác nhau, nhưng đều có chung mục đích là cầu mong cho mưa thuận gió hòa, mùa màng bội thu, vật nuôi phát triển.

"*Khó già già*" là lễ cầu mưa đặc sắc nhất của người Hà Nhi ở huyện Bát Xát (tỉnh Lào Cai), diễn ra vào tháng Sáu âm lịch hàng năm, bởi đây là thời điểm mà mọi việc gieo trồng đã được thực hiện xong, lúa, ngô và những loại cây trồng khác đang bắt đầu thời kỳ sinh trưởng, cần có thời tiết thuận lợi để có thể phát triển tốt và cho năng suất cao. Lễ cúng này được tổ chức với quy mô toàn bản, tất cả các gia đình đều có những kiêng kỵ không làm ảnh hưởng đến lễ cúng và cuộc sống của người dân. Theo họ, nghi lễ cầu mưa được thực hiện đầy đủ, thần linh sẽ phù hộ cho cây trồng phát triển, mùa màng bội thu,...

Lồng tồng là nghi lễ xuống đồng đặc trưng của dân tộc Tày, được tổ chức từ tháng Giêng đến tháng Hai âm lịch hàng năm với mong ước một năm mới mưa thuận, gió hòa, mùa màng bội thu, nhà nhà ấm no, hạnh phúc. Chủ lễ là người am hiểu và có uy tín, được người dân bầu chọn để tiến

hành các nghi lễ cúng xin trời đất, thần linh cho mùa màng tươi tốt, thóc lúa đầy sân, gia súc đầy sân, mọi người mạnh khỏe. Sau đó, chủ lễ tiến hành cày luống đất đầu tiên dưới đám ruộng để mở đầu cho một vụ mùa mới.

6.2. Lễ cúng hồn lúa

Với người Thái, khi lúa bắt đầu chín, mỗi gia đình đem mâm lễ đặt lên chân rạ khấn hồn lúa, rồi lấy vải cọng rom làm hình nhân tượng trưng cho hồn lúa đưa hồn lúa đó về đặt trên các bịch thóc, hồn lúa “ngủ” suốt mùa đông, đến ngày sấm đầu mùa chủ nhà sẽ “đánh thức” nó trở dậy.

Người Hà Nhì cúng rước hồn lúa sau khi thu hoạch xong với lễ vật gồm xôi và trứng, lễ cúng diễn ra ngay tại kho chứa thóc. Khi cúng, chủ nhà xin hồn lúa phù hộ cho gia đình mùa màng luôn được bội thu. Đây là lễ cúng rước hồn lúa từ ruộng hay nương về nhà, mùa vụ năm sau lại đưa hồn lúa tiếp tục ra ruộng, nương để bảo vệ cây lúa. Nghi lễ còn thể hiện niềm hy vọng của mỗi gia đình về mùa vụ bội thu, cảm tạ tổ tiên trong năm qua đã bảo vệ cho cây lúa phát triển, thời tiết thuận lợi, không bị sâu bệnh phá hoại. Đồng thời, cầu xin cho vụ lúa năm sau tốt hơn, thu hoạch được nhiều hơn, cầu mong trong những ngày thu hoạch lúa trời sẽ không mưa gió để việc thu hoạch được thuận lợi.

Người Dao tổ chức lễ cúng hồn lúa vào đầu tháng Chạp. Ngay hôm gặt lúa đầu tiên, chủ gia đình mang theo một ống nứa đến nương trước và thu nhặt mỗi nơi một vài bông lúa cho vào trong ống đem cất vào lều, nghĩa là hồn lúa đã được thu vào ống, sau đó mọi người mới bắt đầu công việc thu hoạch lúa. Những bông lúa đầu tiên này sẽ được đồng bào buộc ghép vào các bông lúa cuối cùng sau khi thu hoạch xong và đem về treo ở bàn thờ tổ tiên để làm lễ cúng hồn lúa. Theo quan niệm của người Dao, mỗi bông lúa đều có hồn, trong lúc thu hoạch không tránh khỏi một số bông còn sót lại thì hồn của chúng sẽ bơ vơ không ai chăm sóc; vì vậy đồng bào phải làm lễ cúng hồn lúa để gọi tất cả hồn lúa về nhà. Sau lễ cúng, tất cả hồn lúa tập trung tại cụm lúa đó và nó được đặt vào giữa đồng thóc. Họ làm vậy cầu mong mùa sau lúa sẽ tươi tốt, được mùa hơn vụ trước.

6.3. Lễ cúng cơm mới

Người Hà Nhì cúng cơm mới (*hở sự giả*) vào tháng Tám, tháng Chín âm lịch hàng năm, đó là khi lúa bắt đầu chín vàng. Gia đình cử người  nữ lớn tuổi hoặc con dâu cả đi cắt những bông lúa đầu tiên để làm nghi lễ này. Họ cắt 9 bó lúa, mỗi bó 9 bông đã chín đẹp nhất tại những ruộng, nương tốt nhất đem về phơi khô, giã ra làm sạch rồi trộn lẫn với gạo cũ của năm trước còn lại nấu chín để làm lễ cúng tại bàn thờ tổ tiên (Trịnh Thị Lan, 2017, tr. 142-144).

Cúng cơm mới ở người Dao là tạ ơn tổ tiên đã phù hộ cho mùa màng tươi tốt. Họ gặt một ít thóc đầu mùa đem về phơi, giã để nấu cơm cúng tổ tiên. Nếu lúa chưa chín, họ thổi cơm bằng gạo cũ nhưng bỏ vào nồi cơm vài bông lúa mới để coi đó là cơm mới. Khi cúng, những bông lúa này cắm vào tấm liếp cạnh bàn thờ, cầu xin tổ tiên tiếp tục phù trợ cho vụ mùa mới bội thu. Rồi cả nhà cùng nhau ăn uống và phải cố tình để thừa lại trong bát một ít cơm cùng đồ ăn, hôm đó sẽ không rửa bát với ngụ ý mùa sau bội thu, cơm gạo dư dật.

Ngoài một số lễ trên, các dân tộc còn thực hiện một số nghi lễ, như: cúng nương, cúng vào dịp lập Thu... của người Dao; lễ gieo lúa tượng trưng, lễ đi tìm đất làm ruộng, nương... của người Hà Nhì; lễ tra hạt, lễ cúng thần sâu... của người Phù Lá.

Kết luận

Tín ngưỡng của các dân tộc thiểu số ở phía Bắc nước ta nhìn chung vẫn in đậm dấu ấn của vật linh giáo, shaman giáo, đa thần giáo, tổ tem giáo,... Trong đó, thuyết vạn vật hữu linh chính là nền tảng cho sự tồn tại của các tín ngưỡng truyền thống tộc người, thể hiện qua hàng loạt các nghi lễ tín ngưỡng liên quan đến hoạt động kinh tế và các mối quan hệ xã hội khác nhau. Tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên, các nghi lễ liên quan đến nông nghiệp đã tạo nên bản sắc văn hóa của đồng bào các dân tộc thiểu số ở vùng này. Tuy nhiên, thời gian qua do sự xuất hiện một số tôn giáo như Công giáo, Tin lành hay những “đạo lạ” như Vàng Chử, Thìn Hùng, Dương Văn Minh đã cho thấy có những bất ổn về nhu cầu tín ngưỡng trong đời sống tâm linh của một bộ phận người dân tộc thiểu số ở phía Bắc nước ta. Một bộ phận đã từ bỏ tín ngưỡng truyền thống của dân tộc để tiếp nhận những tôn giáo mới và hình thành nên những đặc điểm văn hóa mới. Trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập, tuy đại đa số người dân các dân tộc thiểu số nơi đây vẫn giữ niềm tin vào tín ngưỡng truyền thống của dân tộc mình, song vẫn đề giữ gìn, bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa tộc người đã và đang trở nên hết sức quan trọng.

Tài liệu tham khảo

1. Bé Viết Đăng, Nguyễn Khắc Tụng, Nông Trung (1971), *Người Dao ở Việt Nam*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
2. Phạm Quang Hoan, Đặng Thị Hoa chủ biên (2011), *Dân tộc Kháng ở Việt Nam*, Nxb. Văn hóa dân tộc, Hà Nội.
3. Hội Khoa học Lịch sử Việt Nam (2006), “Những vấn đề Nhân học tôn giáo”, *Tạp Chí Xưa và Nay*, Nxb. Đà Nẵng.
4. Trịnh Thị Lan (2017), *Nghi lễ của người Hà Nhì ở huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai hiện nay*, Nxb. Mỹ thuật, Hà Nội.
5. Đỗ Đức Lợi chủ biên (2005), *Văn hóa dân tộc Phù Lá ở Việt Nam*, Bảo tàng Văn hóa các dân tộc Việt Nam, Thái Nguyên.
6. Nguyễn Văn Minh (2013), *Tôn giáo, tín ngưỡng các dân tộc ở Việt Nam*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
7. Vương Duy Quang (2005), *Văn hóa tâm linh của người Hmông ở Việt Nam truyền thống và hiện tại*, Nxb. Văn hóa - Thông tin và Viện Văn hóa, Hà Nội.
8. Ngô Đức Thịnh (2004), *Đạo mẫu và các hình thức shaman trong các tộc người ở Việt Nam và Châu Á*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.